TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC** Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST Ngày 15 – 10 - 2019 V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nghị;

2. Ông Nguyễn Đình La.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ K 1, xã Đ T, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ K 1, xã Đ T, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Đức Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 25 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ T, huyện T D, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn anh và chị L sống chung cùng gia đình anh. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, nhiều lần cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cuối tháng 11 năm 2017 chị L về nhà bố mẹ đẻ một vài ngày sau đó đi làm ăn ở Hà Nội, chị vẫn thường xuyên về thăm con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 17 tháng 5 năm 2019 và biên bản hòa giải ngày 23 tháng 5 năm 2019 chị L trình bày: Về thời gian và thủ tục kết hôn như lời trình bày của anh Th. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh Th. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, nhiều lần cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cuối tháng 11 năm 2017 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không giàn xếp gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Th xin hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh Th, chị L đều xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016, hiện nay cháu H đang ở với anh Th. Ly hôn, anh Th và chị L đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh Th, chị L đều xác nhận anh chị không có tài sản chung, không ai quản lý tài sản riêng của ai.

Về công nợ: Anh Th, chị L đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Anh Th, chị L đều xác nhận chị L có hơn 03 năm chung sống với gia đình anh nhưng không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Anh Th, chị L đều xác nhận anh chị được giao đất canh tác chung với gia đình mỗi bên. Ly hôn, hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Đức Th và chị Nguyễn Thị L được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Th và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Tú, quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên nhiều lần cãi nhau. Tháng 11 năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị L về nhà bố mẹ đẻ thời gian ngắn sau đó đi làm ăn ở Hà Nội, nhưng vẫn thường xuyên về thăm con. Anh Th, chị L đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Quá trình sống ly thân, hai bên đều

không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Th xin ly hôn chị L cũng đồng ý, nhưng do chị L vắng mặt tại phiên tòa nên cần xử cho anh Nguyễn Đức Th và chị Nguyễn Thị L được ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh Th và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016, hiện nay cháu H đang ở với anh Th. Ly hôn anh Th và chị L đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh Th và chị L là chính đáng.Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Tú nơi anh Th đang cư trú, thấy rằng, từ khi anh Th, chị L ly thân cháu H đã ở với anh Th trong thời gian ở với anh Th cháu H được anh Th nuôi dưỡng tốt, thể chất và trí tuệ phát triển bình thường. Hiện nay anh Th đang làm ăn kinh doanh chăn nuôi tại nhà nên có nơi ở và thu nhập ổn định. Quá trình thu thập chứng cứ đối với gia đình chị L, thấy rằng hiện nay chị L đang đi bán quần áo thuê ở Hà Nội, thu nhập không ổn định, phụ thuộc vào doanh thu bán hàng, chị L chưa có nhà riêng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H cần xem xét đến điều kiện nuôi con của mỗi bên. Hiện nay, anh Th có nơi ở và thu nhập ổn định; còn chị L chưa có nhà riêng, thu nhập không ổn định, thường xuyên đi làm xa nên điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung sẽ khó khăn hơn anh Th. Mặt khác, hiện nay cháu H đang được anh Th nuôi dưỡng tốt, cuộc sống đang ổn định không cần thay đổi môi trường sống của cháu, tránh ảnh hưởng đến thể chất và tâm sinh lý của cháu. Nên cần giao con chung là cháu Nguyễn Khánh H cho anh Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh Th không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng: Hai bên đều xác nhận không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về công nợ, công sức và đất canh tác: Anh Th và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Th và chị Nguyễn Thị L được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có

4. Về công nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo biên lai thu số AA/2017/0002663 ngày 09 tháng 4 năm 2019; xác nhận anh Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Tam Dương;
- UBND xã Đạo Tú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bích Ngọc